TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2022/DS-PT**
Ngày 30-9-2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh
Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103A/2022/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Giang Thị Ngọc H**, sinh năm 1976; *(có mặt)*
Địa chỉ: Tổ 7, khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trương Quốc K**, sinh năm 1978; *(có mặt)*
Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Tiến D**, sinh năm 1970; *(có mặt)*
Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị Hạnh V**, sinh năm 1975; *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 1, thị trấn T, huyện H, Bình Phước.
- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thống nhất trình bày:

Ngày 01/10/2021, ông Nguyễn Tiến D có chuyển nhượng cho bà Giang Thị Ngọc H thửa đất số 377, tờ bản đồ 42, diện tích 463,6m^2, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước với giá là 1.500.000.000đ. Tại thời điểm giao kết hợp đồng chuyển nhượng đất thì ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSD đất).

Cùng ngày 01/10/2021 bà H đã giao cho ông D số tiền đặt cọc mua đất là 700.000.000đ thông qua bà V, có lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đồng thời thỏa thuận trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày 11/10/2021 ông D sẽ ra Văn phòng công chứng ký kết hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H và bà H sẽ thanh toán đủ số tiền 800.000.000đ còn lại cho ông D; hai bên cam kết nếu quá thời hạn thỏa thuận mà bên A (ông D) không bán, chuyển nhượng tài sản đặt cọc cho bên B (bà H), thì bên A phải bồi thường cho bên B gấp hai lần số tiền đặt cọc với tổng số tiền là 1.400.000.000đ. Ngược lại nếu bên B không tiến hành mua thì sẽ mất số tiền đã đặt cọc.

Đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng, bà H đã nhiều lần gọi điện thoại cho ông D yêu cầu phải đến Văn phòng công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất trên cho bà H nhưng ông D không chịu thực hiện là vi phạm cam kết trong hộp đồng. Nay bà H yêu cầu ông Nguyễn Tiến D phải trả lại cho bà H số tiền đã nhận cọc mua đất 700.000.000đ và phải bồi thường cho bà H khoản tiền bị phạt cọc theo hợp đồng là 700.000.000đ. Tổng cộng là 1.400.000.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã trình bày:

Ông và bà Giang Thị Ngọc H sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 7, khu phố H, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước không có quan hệ họ hàng hay mâu thuẫn, ông chỉ gặp bà H 1 lần ở M.

Ngày 22/6/2021, ông và bà Nguyễn Thị Hạnh V, sinh năm 1975 có thỏa thuận về việc chuyển nhượng thửa đất số 377, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước do ông đứng tên, thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.310.000.000đ (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng), 2 bên có làm giấy tay, bà V có đặt cọc trước cho ông số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trong cùng ngày, số tiền còn lại 2 bên thỏa thuận đến ngày 07/8/2021 bà V sẽ đưa cho ông, đồng thời 2 bên sẽ làm thủ tục công chứng. Khi ký kết hợp đồng đặt cọc 2 bên thống nhất nếu đến ngày công chứng mà bà V không thanh toán cho ông số tiền còn lại thì bà V sẽ mất cọc, nếu ông không thực hiện đúng cam kết thì phải bồi thường gấp đôi. Khi đến thời điểm công chứng bà V có nói với ông là không đủ tiền để đưa cho ông và thời điểm đó ông chưa lấy được sổ nên ông và bà V có thống nhất là sau khi dịch ổn thì sẽ bán lại thửa đất số 377, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho bà H. Còn giá chuyển nhượng thửa đất đối với bà H thì bà V sẽ tự đẩy giá lên số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), bà V sẽ được số tiền chênh lệch này.

Sáng ngày 01/10/2021, ông và bà Giang Thị Ngọc H có ký kết hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng thửa đất số 377, tờ bản đồ số 42, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước với giá 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), có bà Nguyễn Thị Hạnh V làm chứng, địa điểm ký kết là tại nhà ông ở xã M. Tuy nhiên, bà V có thỏa thuận với ông sau khi bà V nhận số tiền cọc 700.000.000đ từ bà H thì bà V sẽ đưa cho ông 300.000.000đ, là tiền cọc mà bà V đã cọc cho ông, còn 200.000.000đ là tiền lời bà V hưởng. Bà V là người trực tiếp viết hợp đồng, sau khi bà

V viết, bà V và bà H ký trước thì ông có ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng. Nhưng trên thực tế đến thời điểm này ông vẫn chưa nhận được tiền cọc từ chỗ bà V hay bà H theo hợp đồng đặt cọc ngày 01/10/2021. Ông chưa nhận tiền cọc mà lại ký kết vào hợp đồng đặt cọc là do bà V và bà H xác định không có tiền mặt nên kêu ông ký hợp đồng trước, ngoài ra ông cũng có tính sẽ cho bà V nợ 300.000.000đ, buổi chiều 01/10/2021 sẽ làm giấy viết nhận nợ tại Văn phòng công chứng H nên ký vào hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng thì bà V và bà H sẽ chuyển tiền cho ông, nhưng chờ đến chiều cùng ngày, ông không thấy chuyển tiền thì ông có gọi điện thoại cho bà V nhưng không không liên lạc được, ông có liên hệ với bà H thì bà H nói bà V đã chuyển tiền cho ông, nhưng sự thật ông vẫn chưa nhận được.

Ngoài ra, giữa ông và bà H không thỏa thuận cụ thể văn phòng công chứng sẽ ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chỉ cần Văn phòng công chứng ở thị trấn Tân Khai là được. Ngày 11/10/2021 thì bà H có liên lạc với ông để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng do thực tế ông chưa nhận được tiền cọc nên ông không đồng ý ra Văn phòng để ký kết hợp đồng. Còn việc bà H có đưa tiền cọc cho bà V hay không thì ông không biết. Nếu cần thiết ông sẽ trả tiền cho Viên 200.000.000đ, không liên quan đến hợp đồng đặt cọc của bà H nữa.

Nay bà Giang Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm trả cho bà Giang Thị Ngọc H tổng số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), trong đó 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) là tiền nhận cọc và 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) là tiền phạt cọc thì ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì trên thực tế ông không nhận tiền cọc của bà H hay bà V ở hợp đồng này.

Bà Nguyễn Thị Hạnh V trình bày:

Ngày 22/6/2021 bà có đặt cọc để chuyển nhượng phần đất của ông D với giá 1.310.000.000đ và bà có đặt cọc cho ông D số tiền 200.00.000đ là đúng. Tuy nhiên, đến thời điểm chuyển nhượng do bà không có đủ tiền và cũng do dịch Covid nên các bên chưa thực hiện được. Sau đó, bà có quen biết với bà H nên có giới thiệu thửa đất trên để bà H mua lại với giá là 1.500.000.000đ. Bà có hẹn hứa với ông D là bà sẽ nợ ông D 300.000.000đ để ông D ký hợp đồng đặt cọc với bà H với mục đích đã nhận của bà H số tiền đặt cọc là 700.000.000đ, thực tế ông D chưa nhận được số tiền này theo hợp đồng. Nếu anh D không đồng ý bán cho bà H nữa và trước yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà cũng không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

"Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D trả lại cho bà Giang Thị Ngọc H số tiền đặt cọc đã nhận là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng tiền phạt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/10/2021 giữa bà Giang Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tiến D…";

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/6/2022, nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Quốc K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Nguyễn Tiến D đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H thấy rằng:

[2.1] Theo lời trình bày của ông Nguyễn Tiến D tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn đúng như nội dung trình bày trong Biên bản làm việc ngày 16/9/2022 của TAND tỉnh Bình Phước. Cụ thể, ông D khai: *"Trước khi làm hợp đồng đặt cọc thì bà V có nhắn tin cho tôi hỏi mượn lại 300.000.000đồng (từ số tiền mà bà H đặt cọc cho tôi) và hứa hẹn sẽ công chứng giấy vay tiền. Tôi đồng ý cho bà V vay tiền nên khi bà V và bà H đến nhà tôi, cả 3 bên đều thống nhất việc bà H sẽ giao tiền trực tiếp cho bà V, bà V là người nhận tiền trực tiếp từ bà H giao. Chính vì vậy mà tôi đồng ý ký tên lăn tay vào hợp đồng đặt cọc với bà H để bà H giao tiền trực tiếp với bà V."* Kèm theo lời trình bày của mình, ngày 22/9/2022 ông D có cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm Vi bằng về tin nhắn bà V nhắn tin hỏi mượn tiền của ông D vào ngày 01/10/2021.

Riêng số tiền 300.000.000đồng được bà Nguyễn Thị Hạnh V khai thừa nhận ngày 03/11/2021 của TAND huyện H (BL 25) *"Ông D nói với tôi cho tôi nợ lại 300.000.000đồng trong thời hạn 01 tháng…"*. Thêm nữa, tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021 (BL26, 27), Biên bản hòa giải ngày 01/3/2022 (BL41,42), Biên bản hòa giải ngày 07/3/2022 (BL 46,74), ông Nguyễn Tiến D trình bày *"chị V có thỏa*

thuận với tôi sau khi chị V nhận số tiền cọc 700.000.000đồng từ chị Hoa thì chị V sẽ đưa cho tôi 300.000.000đồng…”.

Ngoài ra, trong nội dung đoạn băng ghi âm mà bà H cung cấp cho Tòa án được ông D xác nhận giọng nói nam trong đoạn băng này là của ông D cũng thể hiện rõ việc ông D và bà V có thỏa thuận việc ông D cho bà V mượn 300.000.000đồng từ số tiền 700.000.000đồng mà bà H đưa cho bà V.

[2.2] Qua xem xét,đánh giá chứng cứ thể hiện, bà Nguyễn Thị Hạnh V là người ban đầu giao dịch mua bán thửa đất trên với ông D với giá là 1.310.000.000đồng và bà V trực tiếp đặt cọc cho ông D số tiền 200.000.000đồng, các bên có thỏa thuận đến 7/8/2021 sẽ công chứng. Tuy nhiên, do dịch Covid và bà V cũng chưa đủ tiền thanh toán nên các bên có hẹn sau dịch sẽ tiến hành chuyển nhượng. Qua mối quan hệ quen biết nên bà V liên hệ bà H để chuyển nhượng lại thửa đất trên với giá 1.500.000.000đồng. Việc chuyển nhượng lại cho bà H được ông D đồng ý. Ngày 01/10/2021, các bên có gặp mặt tại nhà ông D ký kết lại hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 463,6m^2 thuộc thửa số 377, tờ bản đồ 42, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước với giá là 1.500.000.000đồng. Theo đó, ông Nguyễn Tiến D là bên chuyển nhượng, bà Giang Thị Ngọc H là bên nhận chuyển nhượng, có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Hạnh V. Tại Điều 2 của hợp đồng đặt cọc ghi rõ bà H đặt cọc trước 700.000.000đồng, số tiền còn lại bà H phải thanh toán là 800.000.000đồng. Thời hạn công chứng là 10 ngày. Việc ký kết hợp đồng được các bên thừa nhận có thật hoàn toàn tự nguyện.

Ông D phản đối yêu cầu khởi kiện của bà H với lý do tại thời điểm ký kết hợp đồng đặt cọc ông D không nhận được bất kỳ số tiền nào từ bà H. Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ thể hiện ở nội dung phân tích tại mục [2.1] thì việc tự nguyện thỏa thuận giữa ông D với bà V về việc ký kết lại hợp đồng đặt cọc ngày 01/10/2021 thuộc trường hợp chuyển giao quyền dân sự và chuyển giao nghĩa vụ dân sự đúng với quy định tại điều 365, 370 Bộ luật dân sự 2015. Về số tiền 300.000.000đồng ông D yêu cầu bà H phải thanh toán lại cho ông D là không có cơ sở, bởi lẽ số tiền này là giao dịch vay mượn giữa ông D với bà V, không liên quan đến bà H. Ông D được quyền khởi kiện buộc bà V trả lại số tiền này theo thủ tục tố tụng dân sự bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

Về lời khai của bà V cho rằng không nhận tiền của bà H do cấn trừ tiền nợ của con bà H, nhưng bị bà H phản đối. Ngoài ra bà V không có chứng cứ gì để chứng minh có sự cần trừ nợ nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 463,6m^2, thửa số 377, tờ bản đồ 42, đất tọa lạc tại khu phố 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước nội dung thỏa thuận ông Nguyễn Tiến D có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc cho bà Giang Thị Ngọc H là hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội có hiệu lực pháp luật. Do ông D đã vi phạm thỏa thuận cam kết của hợp đồng làm cho hợp đồng không thực hiện được nên cần buộc ông D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Giang Thị Ngọc H số tiền đã nhận cọc là 700.000.000đồng và số tiền 700.000.000đồng phạt cọc là đúng với cam kết trong nội dung hợp đồng và phù hợp với quy định tại định Khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự 2015.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của TAND huyện H, tỉnh Bình Phước.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính lại theo quy định pháp luật:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí đối với tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng là 600.000.000đồng) = {36.000.000đồng + (3% x 600.000.000đồng) = 54.000.000đồng}.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H.

Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 203, 147, 227, 233, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 365, Điều 370,Điều 328 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giang Thị Ngọc H:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tiến D có nghĩa vụ trả lại cho bà Giang Thị Ngọc H số tiền đặt cọc đã nhận là 700.000.000đồng *(Bảy trăm triệu đồng)* và 700.000.000đồng *(Bảy trăm triệu đồng)* tiền phạt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/10/2021 giữa bà Giang Thị Ngọc H và ông Nguyễn Tiến D.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Giang Thị Ngọc H không phải chịu, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H hoàn trả cho bà H số tiền 27.000.000đồng *(Hai mươi bảy triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng áp phí lệ phí Tòa án số 0013544 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Tiến D phải chịu 54.000.000đồng *(Năm mươi bốn triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Giang Thị Ngọc H không phải chịu, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0014006 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Phong